

ADMISSION ACTIVITIES FOR REGULAR COLLEGE AND UNIVERSITY-LEVEL TRAINING AT DONG THAP UNIVERSITY: REALTY AND SOLUTIONS

Nguyen Van Canh*, Nguyen Quoc Tuan, Le Thi Bich Van

Dong Thap University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	05/7/2023	It has been a huge and vital task for higher educational institutions to attract students who are about to choose majors and universities for their studies and job preparations. Based on collected data on admission results from 2018 to 2022, this study presented a comprehensive analysis and evaluation on the status of student's selection for regular training programs in Dong Thap University in the above-mentioned period. Research results showed that, in terms of how much they could attract students, Dong Thap University's training programs could be categorized into three separate groups, with the first being the ones to attain enough admission quota in the past consecutive five years, the second being the training programs with enough students enrollment in the last two or three recent years and the last ones that received very little or no students' registration in those such five years. In addition, another finding in this study revealed that the training programs in Dong Thap University attracted a large number of students from Dong Thap province while very few students from other provinces in the Mekong Delta region entered the University. Accordingly, the authors have proposed several communication measures for the University's future admission activities to draw the students' attention to Dong Thap university before they make final decision on university entrance.
Revised:	12/9/2023	
Published:	12/9/2023	
KEYWORDS		
Admission		
Attracting students		
Training		
Communication about admissions		
Choosing university		

HOẠT ĐỘNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Văn Cảnh*, Nguyễn Quốc Tuấn, Lê Thị Bích Vân

Trường Đại học Đồng Tháp

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	05/7/2023	Việc thu hút người học đang là một vấn đề quan trọng đối với các cơ sở giáo dục đại học. Dựa trên số liệu về kết quả tuyển sinh từ năm 2018 đến 2022, nghiên cứu này đã phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tuyển sinh của Trường Đại học Đồng Tháp trong giai đoạn trên. Kết quả nghiên cứu cho thấy các ngành đào tạo của Trường đã phân thành 03 nhóm trong việc thu hút người học. Một là, nhóm các ngành đào tạo liên tục tuyển đủ chỉ tiêu trong 05 năm qua. Hai là, nhóm các ngành học chỉ tuyển đủ chỉ tiêu trong 02 hoặc 03 năm gần nhất. Ba là, nhóm các ngành đào tạo liên tục tuyển được rất ít hoặc không tuyển được sinh viên trong 05 năm qua. Ngoài ra, một phát hiện tiếp theo trong nghiên cứu này là các ngành đào tạo của Trường Đại học Đồng Tháp chủ yếu thu hút được các sinh viên trong tỉnh Đồng Tháp, trong khi đó có rất ít sinh viên đến từ các tỉnh khác trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Trên cơ sở đó, các tác giả đã đề xuất một số biện pháp truyền thông về hoạt động tuyển sinh nhằm thu hút sự quan tâm của người học với Trường Đại học Đồng Tháp trước khi lựa chọn trường đại học.
Ngày hoàn thiện:	12/9/2023	
Ngày đăng:	12/9/2023	
TỪ KHÓA		
Tuyển sinh		
Thu hút sinh viên		
Đào tạo		
Truyền thông về tuyển sinh		
Chọn trường đại học		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8281>

* Corresponding author. Email: nvcanh@dthu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trong giai đoạn hiện nay, một số trường đại học (ĐH) đang phải đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt là áp lực phải tuyển sinh đủ chỉ tiêu hằng năm [1], nhằm duy trì hoạt động đào tạo cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của nhà trường. Áp lực cạnh tranh ngày càng lớn đã buộc các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) phải tìm kiếm các chiến lược tuyển sinh hiệu quả hơn để thu hút một số lượng lớn người học [2], [3]. Kết quả là, yếu tố truyền thông đang trở thành một chức năng trọng tâm với các cơ sở GDĐH, giúp các trường chiếm ưu thế trong cuộc cạnh tranh để giành lấy các sinh viên (SV) tương lai [4]. Để hoạt động truyền thông mang lại hiệu quả, các cơ sở GDĐH cần nắm được các yếu tố mà người học quan tâm trong quá trình tìm hiểu và lựa chọn trường ĐH. Hanson và Litten [5] đã phân tích mô hình lựa chọn trường ĐH của các SV theo một quy trình song song gồm ba giai đoạn. Cụ thể, quy trình này bắt đầu với mong muốn của học sinh về việc theo học tại một cơ sở GDĐH, tiếp theo là việc điều tra các trường ĐH tiềm năng và giai đoạn cuối cùng là sự xem xét của SV về các yếu tố như đơn nhập học, tình hình nhập học thực tế để đưa ra quyết định ghi danh vào một trường ĐH cụ thể. Tương tự, Hossler và Gallagher [6] cũng cho rằng quá trình tìm kiếm các trải nghiệm học tập sau bậc trung học của học sinh diễn ra theo ba giai đoạn. Bắt đầu là giai đoạn định hướng nhằm xác định xem bản thân người học có muốn tiếp tục học lên ĐH hay không. Tiếp theo là giai đoạn người học thu thập thông tin về các cơ sở GDĐH tiềm năng và giai đoạn thứ ba là những tương tác của người học nhằm lựa chọn một cơ sở GDĐH cụ thể để đăng ký xét tuyển và nhập học. Ngoài ra, Joseph và Joseph [7] cho rằng các cơ sở GDĐH cần phải quan tâm đến những vấn đề quan trọng như các thông tin về nghề nghiệp và cơ sở vật chất nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững trong các chiến lược truyền thông. Trong một nghiên cứu khác, Ming [3] cho thấy quyết định lựa chọn trường ĐH của SV chịu ảnh hưởng bởi hai nhóm yếu tố chính có liên quan trực tiếp đến trường ĐH. Một là, các đặc điểm cố định của các trường ĐH như địa điểm, chương trình đào tạo, danh tiếng, cơ sở vật chất, học phí, hỗ trợ tài chính, cơ hội việc làm. Trong khi đó, nhóm thứ hai liên quan đến các nỗ lực giao tiếp của trường ĐH với các SV tiềm năng như quảng cáo, giao lưu với các trường phổ thông, thăm khuôn viên trường ĐH. Akar [8] lại cho rằng danh tiếng học thuật và uy tín của các trường ĐH là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự lựa chọn trường ĐH của SV, tiếp đến là vị trí của trường ĐH. Bên cạnh đó, Ilgan và cộng sự [9] cho rằng các yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến ưu tiên của SV trong việc lựa chọn trường ĐH là kỳ vọng tương lai cho nghề nghiệp, chất lượng và mức độ phổ biến về giáo dục do các trường ĐH đưa ra. Trong khi đó, Hidayat và cộng sự [10] cho rằng việc quảng bá thương hiệu là một trong những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định lựa chọn trường của các tân SV.

Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHTT) là một cơ sở GDĐH công lập và cũng đang gặp khó khăn trong tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (sau đây gọi tắt là hệ chính quy). Cụ thể, kết quả tuyển sinh hệ chính quy của Trường liên tục chưa đạt chỉ tiêu trong 05 năm qua. Điều này đang ảnh hưởng rất lớn đến chiến lược phát triển của Trường, đặc biệt là động lực và khát vọng làm việc của một số giảng viên bởi vì không tuyển được SV đồng nghĩa với việc giảng viên không có giờ dạy. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá kết quả hoạt động tuyển sinh hệ chính quy của Trường ĐHTT giai đoạn 2018 đến 2022. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tuyển sinh của Trường trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu là kết quả tuyển sinh hệ chính quy của Trường ĐHTT từ năm 2018 đến năm 2022 được cung cấp bởi Phòng Bảo đảm chất lượng, đơn vị đầu mối trong hoạt động tuyển sinh của Trường. Dữ liệu này đã được lưu trữ và tổng hợp rất hệ thống theo từng năm nên đảm bảo độ tin cậy trong quá trình phân tích và đánh giá thực trạng về hoạt động tuyển sinh tại Trường ĐHTT.

Nhằm cung cấp thêm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tuyển sinh, các tác giả đã phân tích kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của các SV hệ chính quy đang học

tập tại Trường ĐHĐT về việc tiếp cận các thông tin tuyển sinh (TTTS). Cụ thể, phản hồi của 1663 SV hệ chính quy của Trường ĐHĐT đến từ các trường THPT ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã được sử dụng trong nghiên cứu này, bao gồm 849 SV năm thứ nhất, 386 SV năm thứ hai, 238 SV năm thứ ba và 160 SV năm thứ tư.

Ngoài ra, để có thể đưa ra những phân tích, nhận định một cách chính xác, việc phân tích số liệu đã được các tác giả thực hiện bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 22.0. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng, các tác giả sẽ đề xuất một số biện pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tuyển sinh của Trường ĐHĐT.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Thực trạng về hoạt động tuyển sinh hệ chính quy của Trường ĐHĐT

3.1.1. Chính sách tuyển sinh

Từ năm 2018 đến năm 2022, Trường ĐHĐT tuyển sinh hệ chính quy theo 04 phương thức xét tuyển gồm (i) Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, gọi tắt là phương thức 1; (ii) Xét kết quả học tập cấp THPT, gọi tắt là phương thức 2; (iii) Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh, gọi tắt là phương thức 3 và (iv) Xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh tổ chức, gọi tắt là phương thức 4. Trong đó, phương thức 4 được Trường ĐHĐT chính thức áp dụng từ năm 2020. Với các phương thức xét tuyển như trên, số lượng SV trúng tuyển nhập học vào Trường ĐHĐT trong 05 năm qua như trong Bảng 1.

Bảng 1. Thống kê số lượng SV trúng tuyển nhập học theo các phương thức xét tuyển

TT	Năm	Số lượng SV nhập học theo phương thức xét tuyển				Tổng số SV nhập học
		Phương thức 1	Phương thức 2	Phương thức 3	Phương thức 4	
1	2018	595	441			1036
2	2019	431	558			989
3	2020	379	969	2		1350
4	2021	631	1555	2	2	2190
5	2022	918	1869	2	3	2792

(Nguồn: Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường ĐHĐT, 2023)

Số liệu thống kê cho thấy mặc dù Trường ĐHĐT đã sử dụng đa dạng các phương thức xét tuyển, nhưng hầu hết các SV trúng tuyển nhập học vào Trường trong 05 năm gần nhất đều sử dụng phương thức 1 và phương thức 2. Trong khi đó, có rất ít SV trúng tuyển nhập học vào Trường bằng phương thức 3 và phương thức 4, chỉ với 11 SV cho cả hai phương thức. Thực trạng trên đến từ các yếu tố khách quan và có tính chất đặc thù của từng phương thức xét tuyển, đặc biệt là hai phương thức 3 và 4. Cụ thể, để đăng ký xét tuyển phương thức 4, thí sinh phải tham dự kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh tổ chức, tuy nhiên kỳ thi này mới được tổ chức trong thời gian gần đây, nội dung thi rất đa dạng nên nhiều học sinh chưa tự tin tham gia, dẫn đến số có rất ít thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường ĐHĐT theo phương thức này. Ngoài ra, để đăng ký xét tuyển bằng phương thức 3, các thí sinh phải là những trường hợp đặc biệt hoặc có năng khiếu vượt trội đã đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do đó có rất ít thí sinh đáp ứng các điều kiện này khi đăng ký tham gia xét tuyển.

Đối với hai phương thức xét tuyển 1 và 2, Trường ĐHĐT đã thiết lập và sử dụng linh hoạt rất nhiều tổ hợp môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi tổ hợp môn được tạo ra phải chứa ít nhất một trong hai môn Toán và Văn, các môn còn lại được xác định dựa trên mức độ liên quan giữa ngành xét tuyển với nội dung của môn học đó. Với cách thiết lập như trên, Trường ĐHĐT đã sử dụng 35 tổ hợp môn phục vụ cho việc xét tuyển hệ chính quy, trong đó ba tổ hợp môn chỉ áp dụng đối với phương thức 2 như A04, A06, B02 và hai tổ hợp chỉ áp dụng đối với phương thức 1 như C15, D90 (Bảng 2). Trong đó, tất cả các môn học trong kỳ thi tốt nghiệp THPT đều được đưa vào các tổ hợp xét tuyển, giúp thí sinh có nhiều sự lựa chọn tổ hợp môn xét tuyển dựa trên thế mạnh học tập của bản thân. Ngoài ra, đối với hầu hết các ngành đào tạo của

Trường ĐHĐT, mỗi thí sinh đều có thể sử dụng 4 tổ hợp môn để đăng ký xét tuyển, đặc biệt các thí sinh có thể đăng ký xét tuyển bằng cách sử dụng điểm trung bình cả năm lớp 12 (nhân hệ số 3 cộng với điểm ưu tiên), từ đó tăng thêm cơ hội trúng tuyển cho thí sinh khi đăng ký xét tuyển.

Hiện nay, vẫn còn một số ngành đào tạo của Trường ĐHĐT đang xét tuyển các tổ hợp có môn Giáo dục công dân mặc dù môn học này không được tổ chức giảng dạy trong chương trình giáo dục thường xuyên. Tuy nhiên, kết quả tuyển sinh tại Trường ĐHĐT thời gian qua cho thấy điểm môn Giáo dục công dân của hầu hết các thí sinh ở mức rất cao, do đó việc lựa chọn môn học này vào các tổ hợp xét tuyển đang mang đến lợi thế cho thí sinh khi xét tuyển. Trong khi đó, đối với các thí sinh thuộc hệ giáo dục thường xuyên không học môn Giáo dục công dân vẫn có thể đăng ký xét tuyển bằng các tổ hợp môn khác hoặc chọn điểm trung bình cả năm lớp 12 để đăng ký xét tuyển.

Bảng 2. Danh sách các tổ hợp môn xét tuyển

TT	Tổ hợp	Môn thi	TT	Tổ hợp	Môn thi
1	A00	Toán, Lý, Hóa	19	D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh
2	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh	20	D09	Toán, Sử, Tiếng Anh
3	A02	Toán, Lý, Sinh	21	D10	Toán, Địa, Tiếng Anh
4	A04*	Toán, Lý, Địa	22	D13	Văn, Sinh, Tiếng Anh
5	A06*	Toán, Hóa, Địa	23	D14	Văn, Sử, Tiếng Anh
6	A07	Toán, Sử, Địa	24	D15	Văn, Địa, Tiếng Anh
7	B00	Toán, Hóa, Sinh	25	D90**	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh
8	B02*	Toán, Sinh, Địa*	26	H00	Văn, Trang trí, Hình họa
9	C00	Văn, Sử, Địa	27	H07	Toán, Trang trí, Hình họa
10	C01	Văn, Toán, Lý	28	M00	Văn, Toán, NK GDMN
11	C03	Văn, Toán, Sử	29	M05	Văn, Sử, NK GDMN
12	C04	Văn, Toán, Địa	30	N00	Văn, Hát, Thảm âm-Tiết tấu
13	C14	Văn, Toán, GD CD	31	N01	Toán, Hát, Thảm âm-Tiết tấu
14	C15**	Văn, Toán, Khoa học xã hội	32	T00	Toán, Sinh, NKTD TT
15	C19	Văn, Sử, GD CD	33	T05	Văn, GD CD, NKTD TT
16	C20	Văn, Địa, GD CD	34	T06	Toán, Địa, NKTD TT
17	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	35	T07	Văn, Địa, NKTD TT
18	D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			

Ghi chú: * Chỉ áp dụng đối với phương thức 2, ** Chỉ áp dụng với phương thức 1

(Nguồn: Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường ĐHĐT, 2023)

Đối với các ngành đào tạo có sử dụng môn thi năng khiếu để xét tuyển, các thí sinh phải tham dự kỳ thi năng khiếu do Trường ĐHĐT tổ chức hoặc sử dụng kết quả thi năng khiếu có xác nhận từ trường ĐH khác, cụ thể như ngành Giáo dục mầm non với tổ hợp M00 và M05, ngành Sư phạm Mỹ thuật với các tổ hợp H00 và H07, ngành sư phạm Âm nhạc với các tổ hợp N00 và N01, ngành Giáo dục Thể chất với các tổ hợp T00, T05, T06 và T07. Theo Đề án tuyển sinh của Trường ĐHĐT đã được công bố công khai, các ngành năng khiếu trên được xét tuyển theo hai phương thức 1 và 2. Cụ thể, nếu thí sinh sử dụng điểm các môn như Văn, Toán, Sử, Địa trong kỳ thi tốt nghiệp THPT được xem là phương thức 1, trong khi đó nếu các thí sinh sử dụng điểm thi các môn học trên trong học bạ (kết quả học tập lớp 12) hoặc sử dụng điểm trung bình cả năm lớp 12 để thay cho các môn văn hóa được xem là phương thức 2.

Ngoài ra, để thu hút người học, từ năm 2023, Trường ĐHĐT đã triển khai chính sách hỗ trợ học phí, học bổng đối với các tân SV của Trường khi đạt thành tích học tập tốt ở trường THPT và kết quả thi tốt nghiệp THPT. Cụ thể, các tân SV đạt học lực loại Giỏi cả năm lớp 12 ở trường THPT và có kết quả thi tốt nghiệp THPT đối với 03 môn của tổ hợp xét tuyển đạt từ 25 điểm trở lên sẽ được Trường ĐHĐT miễn học phí học kỳ đầu tiên, đặc biệt nếu các SV này tiếp tục đạt xếp loại Giỏi trong học kỳ thứ nhất sẽ được miễn học phí học kỳ tiếp theo, và tiếp tục có hiệu lực tương tự trong các học kỳ kế tiếp. Ngoài ra, đối với các tân SV nhập học vào các ngành đào tạo giáo viên, do được miễn học phí nên Trường ĐHĐT sẽ trao học bổng bằng với số tiền đã miễn học phí cho các SV thuộc các ngành ngoài sư phạm nếu SV đạt được các điều kiện như trên. Như

vậy, nếu các SV có thành tích học tập tốt ở trường THPT, kỳ thi tốt nghiệp THPT và tiếp tục đạt thành tích tốt trong quá trình học tập tại Trường ĐHĐT sẽ nhận được rất nhiều sự hỗ trợ tài chính, góp phần giảm áp lực về chi phí học tập, đặc biệt là các SV có điều kiện kinh tế khó khăn.

3.1.2. Truyền thông về hoạt động tuyển sinh

Trường ĐHĐT đã triển khai nhiều hình thức truyền thông khác nhau về hoạt động tuyển sinh nhằm thu hút sự quan tâm của người học. Một là, công bố đề án tuyển sinh và các thông tin liên quan đến hoạt động tuyển sinh lên trang thông tin điện tử của trường (website) và các nền tảng mạng xã hội như Zalo, Facebook. Hai là, phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức ngày hội Tư vấn tuyển sinh (TVTS) – Hướng nghiệp tại Trường ĐHĐT, tạo cơ hội cho nhiều học sinh trong và ngoài tỉnh Đồng Tháp đến tham dự và tham quan Trường. Ba là, livestream TVTS trực tuyến trên nền tảng mạng xã hội Facebook để giao lưu và tư vấn cho người học về các TTTS của Trường. Bốn là, hoạt động TVTS trực tiếp tại các trường THPT trong tỉnh Đồng Tháp. Đặc biệt, năm 2023, Trường ĐHĐT đã tổ chức một số đoàn công tác đến một số trường THPT ở một số tỉnh trong khu vực ĐBSCL để treo băng rôn, gửi tờ rơi TTTS và ký biên bản ghi nhớ có hỗ trợ kinh phí cho các trường khi có học sinh trúng tuyển nhập học vào Trường.

Dựa trên kết quả khảo sát các SV hệ chính quy đang học tập tại Trường ĐHĐT, tác giả nhận thấy các SV của Trường đã tiếp cận với TTTS qua nhiều kênh khác nhau, cụ thể trong Bảng 3.

Bảng 3. Thống kê việc tiếp cận TTTS của SV

TT	Kênh TTTS	Số lượt (n=1663)	Phần trăm (trên tổng SV phản hồi)	Phần trăm (trên tổng số lượt)
1	Gọi điện trực tiếp đến bộ phận TVTS của Trường ĐHĐT	146	8,9	4,3
2	Tham quan Trường ĐHĐT	152	9,3	4,5
3	Liên hệ với bộ phận TVTS của Trường ĐHĐT qua tin nhắn Zalo, Facebook	212	13,0	6,3
4	Zalo của Trường	308	18,9	9,2
5	TVTS của Trường ĐHĐT tại trường THPT	564	34,5	16,8
6	Facebook của Trường	973	59,6	28,9
7	Website của Trường	1011	61,9	30,0
Tổng số lượt chọn		3366		

(Nguồn: Thống kê từ dữ liệu của tác giả, 2023)

Kết quả phản hồi từ 1663 SV trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đang học tập hệ chính quy đang học tập tại Trường ĐHĐT cho thấy Website của Trường là kênh thông tin phổ biến nhất và được nhiều SV tiếp cận để tìm hiểu các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Trường với 1011 lượt, chiếm 61,9% tổng số SV phản hồi. Ngoài ra, trang facebook của Trường, nơi diễn ra hoạt động TVTS trực tuyến, cũng là kênh thông tin thu hút được nhiều SV truy cập để tìm hiểu các thông tin về hoạt động tuyển sinh với 973 lượt, chiếm 59,1% tổng số SV phản hồi. Đặc biệt, hoạt động TVTS trực tiếp tại các trường THPT cũng là một trong những kênh thông tin chính đem đến các TTTS của Trường ĐHĐT đến với người học, mặc dù hình thức tư vấn này mới được triển khai thực hiện trong thời gian gần đây và mới được thực hiện phổ biến tại các trường THPT trong tỉnh Đồng Tháp.

3.1.3. Kết quả tuyển sinh hệ chính quy

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2022, Trường ĐHĐT tuyển sinh đào tạo hệ chính quy với 13 ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng và 31 ngành đào tạo trình độ ĐH. Trong số 31 ngành đào tạo trình độ ĐH của Trường ĐHĐT trong giai đoạn trên có 18 ngành đào tạo giáo viên và 13 ngành đào tạo thuộc các lĩnh vực khác. Từ năm 2020, Trường ĐHĐT chỉ còn tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ ĐH và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng. Đặc biệt, trong số các ngành đào tạo trình độ ĐH, ngành Sư phạm Công nghệ bắt đầu tuyển sinh từ năm 2021, và các ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên, Sư phạm Lịch sử - Địa lý bắt đầu được phép tuyển sinh từ năm 2022.

Nhìn chung, số lượng SV nhập học vào Trường ĐHĐT trong 05 năm qua có xu hướng tăng, đặc biệt là xu hướng tăng liên tục từ năm 2019 đến 2022, tương ứng từ 989 đến 2792 SV (Bảng 3). Tuy nhiên tỷ lệ SV trúng tuyển nhập học qua các năm đều chưa đạt chỉ tiêu, trong đó giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020, tỷ lệ SV nhập học vào Trường ĐHĐT ở mức thấp, với không quá 67%. Số liệu chi tiết được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4. Số lượng SV hệ chính quy nhập học vào Trường ĐHĐT giai đoạn 2018 - 2022

TT	Năm	Chỉ tiêu	Số SV trúng tuyển	Số SV nhập học	Tỷ lệ SV nhập học trên tổng chỉ tiêu
1	2018	1795	2052	1036	57,72
2	2019	1930	1985	989	51,24
3	2020	2020	2552	1350	66,83
4	2021	2203	4012	2190	99,41
5	2022	3875	4922	2792	72,05

(Nguồn: Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường ĐHĐT, 2023)

Bên cạnh đó, tỷ lệ SV hệ chính quy trúng tuyển nhập học vào từng ngành đào tạo cụ thể của Trường ĐHĐT không đồng đều và có sự dao động liên tục qua các năm, số liệu cụ thể được thể hiện trong bảng 5.

Bảng 5. Thống kê tỷ lệ SV trúng tuyển nhập học đối với các ngành đào tạo trình độ ĐH giai đoạn 2018 – 2022 của Trường ĐHĐT

STT	Tên ngành đào tạo	Tỷ lệ SV nhập học trên chỉ tiêu tuyển sinh (%)				
		2018	2019	2020	2021	2022
1	Giáo dục Mầm non	*	22,1	39,6	41,1	29,5
2	Giáo dục Tiểu học	*	*	*	*	86,8
3	Giáo dục Chính trị	30,0	50,0	36,7	*	*
4	Giáo dục Thể chất	80,0	85,0	*	*	62,2
5	Sư phạm Toán học	50,0	*	*	*	*
6	Sư phạm Tin học	0,0	0,0	22,5	*	25,1
7	Sư phạm Vật lý	0,0	50,0	50,0	*	*
8	Sư phạm Hoá học	65,0	*	30,0	*	*
9	Sư phạm Sinh học	0,0	0,0	13,3	*	*
10	Sư phạm Ngữ văn	80,0	75,0	*	*	92,0
11	Sư phạm Lịch sử	25,0	90,0	50,0	*	*
12	Sư phạm Địa lý	0,0	*	43,3	*	*
13	Sư phạm Âm nhạc	*	75,0	*	*	35,9
14	Sư phạm Mỹ thuật	0,0	25,0	50,0	79,2	*
15	Sư phạm Tiếng Anh	93,3	*	*	*	79,3
16	Sư phạm Công nghệ		Chưa tuyển sinh		41,7	37,5
17	Sư phạm Khoa học tự nhiên		Chưa tuyển sinh			97,6
18	Sư phạm Lịch sử - Địa lí		Chưa tuyển sinh			*
19	Ngôn ngữ Anh	*	94,5	75,8	*	*
20	Ngôn ngữ Trung Quốc	*	*	*	*	99,1
21	Quản lý văn hoá	22,5	12,5	0,0	40,0	35,0
22	Việt Nam học	39,0	59,0	47,3	52,7	64,5
23	Quản trị kinh doanh	75,0	71,0	*	*	76,4
24	Tài chính – Ngân hàng	66,7	70,0	78,3	*	*
25	Kế toán	85,8	86,2	*	*	91,2
26	Khoa học môi trường	0,0	14,0	0,0	18,0	10,0
27	Khoa học máy tính	*	86,0	91,3	*	90,7
28	Nông học	27,5	20,0	20,0	35,0	60,0
29	Nuôi trồng thủy sản	40,0	29,5	51,6	47,4	46,3
30	Công tác xã hội	17,5	10,2	7,1	24,7	24,7
31	Quản lý đất đai	0,0	0,0	50,0	62,5	87,5

Ghi chú: * Đạt hoặc vượt chỉ tiêu tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(Nguồn: Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường ĐHĐT, 2023)

Số liệu thống kê cho thấy một số ngành đào tạo của Trường ĐHĐT luôn tuyển đạt hoặc vượt chỉ tiêu tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc chưa đủ chỉ tiêu tuyển sinh nhưng ở mức cao trong 05 năm qua như Giáo dục tiểu học, Giáo dục thể chất, Sư phạm Toán học (đạt chỉ tiêu từ năm 2019 đến năm 2022), Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Kế toán và Khoa học máy tính. Bên cạnh đó, một số ngành chỉ đạt được kết quả tuyển sinh cao trong hai hoặc ba năm gần nhất như Giáo dục chính trị, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Mỹ thuật. Đặc biệt, mặc dù bắt đầu được tuyển sinh vào năm 2022 nhưng 02 ngành đào tạo mới gồm Sư phạm Khoa học tự nhiên và Sư phạm Lịch sử - Địa lý đều đạt được tỷ lệ SV nhập học ở mức rất cao. Trong khi đó, các ngành đào tạo còn lại của Trường ĐHĐT đều có tỷ lệ SV nhập học ở mức thấp, đặc biệt có ngành đào tạo không tuyển được SV. Cụ thể như, ngành Giáo dục mầm non, Sư phạm Tin học, Quản lý văn hóa, Việt Nam học, Khoa học môi trường, Nông học, Nuôi trồng thủy sản, Quản lý đất đai và ngành Công tác xã hội.

Mặc dù, Trường ĐHĐT được phép tuyển sinh trong phạm vi cả nước, nhưng các SV nhập học vào Trường chủ yếu đến từ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, số liệu cụ thể được thể hiện trong bảng 6.

Bảng 6. Số lượng SV trúng tuyển nhập học giai đoạn từ 2018 đến 2022 theo tỉnh

TT	Tỉnh	Số lượng SV trúng tuyển nhập học					Tổng
		Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	
1	Trà Vinh	7	7	4	10	14	42
2	Sóc Trăng	4	4	5	6	24	43
3	Hậu Giang	9	1	11	8	30	59
4	Cần Thơ	5	4	9	18	33	69
5	Bạc Liêu	3	2	3	22	40	70
6	Kiên Giang	20	16	24	35	38	133
7	Cà Mau	13	21	20	82	95	231
8	An Giang	61	38	51	46	129	325
9	Tiền Giang	43	35	43	125	143	389
10	Long An	22	24	47	131	156	380
11	Vĩnh Long	70	51	59	108	147	435
12	Bến Tre	52	65	91	147	216	571
13	Đồng Tháp	677	630	963	1.423	1.659	5.352
14	Tỉnh khác	50	91	20	29	68	258
Tổng		1.036	989	1.350	2.190	2.792	8.357

(Nguồn: Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường ĐHĐT, 2023)

Ngoài ra, phần lớn các SV trúng tuyển nhập học vào Trường ĐHĐT đến từ các trường THPT trong tỉnh Đồng Tháp, trong khi đó, có rất ít SV đến từ các tỉnh khác trong khu vực, đặc biệt là các tỉnh như Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu. Điều này cho thấy hoạt động tuyển sinh của Trường ĐHĐT đang triển khai có hiệu quả trong phạm vi tỉnh Đồng Tháp nhưng chưa có hiệu quả thu hút các SV đến từ các tỉnh khác trong khu vực.

Với các phân tích, đánh giá như trên, có thể nhận thấy hoạt động tuyển sinh hệ chính quy của Trường ĐHĐT giai đoạn 2018 đến 2022 chưa đạt được kế hoạch đề ra. Điều này có thể đến từ các nguyên nhân khác nhau, trong đó một nguyên nhân có thể dễ dàng nhận thấy được đó là hoạt động tuyển sinh của Trường ĐHĐT chủ yếu thu hút được các SV trong tỉnh Đồng Tháp nhưng chưa thu hút được nhiều SV đến từ các tỉnh khác trong khu vực ĐBSCL. Điều này có thể đến từ một số nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có cách thức tổ chức TVTS của Trường để cung cấp những TTTS cho người học. Cụ thể, Trường ĐHĐT đặt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và đã triển khai hoạt động TVTS trực tiếp tại các lớp 12 ở các trường THPT trong tỉnh, do đó đã thu hút được rất nhiều SV trong tỉnh Đồng Tháp đăng ký xét tuyển và nhập học. Mặc dù Trường ĐHĐT đã triển khai hoạt động TVTS trực tuyến trên các nền tảng mạng xã hội như Youtube, Facebook. Tuy nhiên, số lượng người xem và tương tác trong mỗi buổi tư vấn rất thấp, chỉ với khoảng hơn

100 người xem. Điều này cho thấy hình thức TVTS trực tuyến chưa phát huy hiệu quả trong việc thu hút người xem mặc dù Trường ĐHĐT đã đầu tư rất công phu cho hoạt động này. Trong khi đó, hình thức này đem đến rất nhiều TTTS hữu ích cho người học ở khắp nơi khi họ sử dụng các thiết bị điện tử có kết nối Internet. Ngoài ra, Trường ĐHĐT đã triển khai hoạt động TVTS trực tiếp đến các trường THPT ở tỉnh trong khu vực ĐBSCL thông qua việc treo băng rôn TTTS, kết nối với các cán bộ quản lý tại các trường THPT để trao đổi và chia sẻ về các TTTS của Trường ĐHĐT. Tuy nhiên, hoạt động tư vấn này cũng chỉ dừng lại ở một số trường THPT nhưng chưa triển khai rộng rãi đến nhiều trường THPT trong khu vực. Đây có thể là một nguyên nhân dẫn đến việc có rất ít SV của Trường đến từ các tỉnh trong khu vực ĐBSCL, ngoài tỉnh Đồng Tháp.

Dựa vào kết quả phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tuyển sinh của Trường ĐHĐT, các tác giả sẽ đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tuyển sinh của Trường, giúp nhiều người học tiếp cận được với các TTTS, đặc biệt là những người học đến từ các trường THPT trong khu vực ĐBSCL.

3.2. Đề xuất một số giải pháp về hoạt động tuyển sinh

Để nâng cao hiệu quả hoạt động tuyển sinh của Trường ĐHĐT trong thời gian tới, các tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

Giải pháp 1. Kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp để thu thập thông tin về nhu cầu việc làm và cung cấp cho người học sau khi tốt nghiệp. Việc kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng đối với các cơ sở GDĐH trong quá trình đào tạo. Cụ thể, các cơ quan, doanh nghiệp không chỉ đóng góp ý kiến cho việc xây dựng và cập nhật các chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn mà còn là địa điểm lý tưởng cho SV đến thực hành, thực tập về các kỹ năng nghề nghiệp. Đặc biệt, các cơ quan doanh nghiệp còn là nơi tuyển dụng SV tốt nghiệp của các trường ĐH. Trên cơ sở đó, việc kết nối chặt chẽ với nhiều cơ quan, doanh nghiệp sẽ giúp các cơ sở GDĐH thu thập được những thông tin về các vị trí việc làm mà các cơ quan, doanh nghiệp đang có nhu cầu tuyển dụng, từ đó cung cấp cho các SV và cựu SV, giúp họ dễ dàng tiếp cận với nhiều cơ hội việc làm và lựa chọn vị trí việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp. Để thực hiện được giải pháp này, Trường ĐHĐT cần thực hiện các công việc sau. Một là, tổ chức ký kết biên bản hợp tác toàn diện với các cơ quan, doanh nghiệp có cùng lĩnh vực đào tạo với các ngành học của Trường. Trong đó, có điều khoản quy định các cơ quan doanh nghiệp tiếp nhận SV của Trường đến thực hành, thực tập và cung cấp cho Trường thông tin về các vị trí việc làm mà cơ quan, doanh nghiệp đang có nhu cầu tuyển dụng. Đặc biệt, các trường THPT sẽ hỗ trợ Trường ĐHĐT trong việc truyền thông về công tác tuyển sinh. Hai là, định kỳ hằng năm, các đơn vị và cá nhân được phân công sẽ liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp để cập nhật về nhu cầu tuyển dụng. Ba là, công bố công khai bảng tổng hợp số lượng vị trí việc làm cho SV, cựu SV.

Giải pháp 2. Thiết kế các video thể hiện khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của các SV tốt nghiệp. Thực tiễn đáp ứng yêu cầu công việc của các cựu SV sẽ giúp mọi người trong xã hội hiểu rõ hơn về sản phẩm đào tạo của Trường trong việc đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Đây chính là một trong những minh chứng sinh động nhất giúp mọi người trong xã hội, đặc biệt là các phụ huynh, học sinh có niềm tin vào hiệu quả đào tạo của Trường, từ đó thu hút được nhiều học sinh lựa chọn xét tuyển và nhập học vào Trường. Để thực hiện được giải pháp này, Trường ĐHĐT cần thực hiện các công việc sau. Một là, biên tập nội dung, kết nối với các cơ quan, doanh nghiệp để quay các video về công việc thực tế của các cựu SV. Trong đó, nội dung các video cần thể hiện được ý kiến đánh giá của cựu SV và nhà sử dụng lao động về hoạt động đào tạo của Trường ĐHĐT, đặc biệt là khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của cựu SV trong quá trình làm việc thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp. Hai là, tổ chức truyền thông, chia sẻ các video đã được thiết kế lên các nền tảng mạng xã hội, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc tiếp cận của người học đối với các nội dung đã được chia sẻ. Cụ thể như, kết nối với các trường THPT để đảm bảo các video này được chia sẻ đến với học sinh cuối khóa, chuẩn bị tốt nghiệp THPT và đang trong quá trình chuẩn bị cho việc đăng ký xét tuyển vào các trường ĐH, cao đẳng.

Giải pháp 3. Tổ chức hoạt động TVTS trực tiếp tại các trường THPT trong khu vực ĐBSCL. Hoạt động truyền thông về tuyển sinh có ý nghĩa rất quan trọng nhằm giúp người học tiếp cận được các TTTS, hiểu biết sâu sắc hơn về quá trình xét tuyển, quá trình đào tạo, đặc biệt là những chính sách ưu đãi của trường ĐH mang lại cho người học. Việc tổ chức TVTS trực tiếp tại các trường THPT trong khu vực ĐBSCL, đặc biệt là các trường THPT ngoài tỉnh Đồng Tháp sẽ giúp các em học sinh trong khu vực tiếp cận được TTTS của Trường ĐHĐT, từ đó thu hút được sự quan tâm của các em trước khi lựa chọn trường ĐH cũng như ngành đào tạo yêu thích. Để thực hiện được biện pháp này Trường ĐHĐT cần thực hiện các công việc sau. Một là, thông báo cho tất cả viên chức trong trường đăng ký trường THPT để tham gia TVTS dựa trên các mối quan hệ giao tiếp đã có với các cán bộ quản lý (Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng) tại các trường THPT. Hai là, giao nhiệm vụ cho các đơn vị, cá nhân kết nối với cựu SV, cựu học viên, đặc biệt là các cựu học viên sau ĐH đang là cán bộ quản lý tại các trường THPT để trao đổi về việc tổ chức TVTS tại các trường THPT. Ba là, thành lập các đoàn công tác đến các trường THPT ở các tỉnh trong khu vực ĐBSCL để gặp gỡ, trao đổi, treo băng rôn, phát tờ rơi và ký biên bản ghi nhớ có hỗ trợ kinh phí cho các trường THPT sau khi có học sinh của các trường đó trúng tuyển nhập học vào Trường ĐHĐT. Đặc biệt, các đoàn công tác cần ưu tiên có sự tham gia của các viên chức có mối quan hệ giao tiếp tốt với các cán bộ quản lý tại các trường THPT sẽ tổ chức TVTS.

Giải pháp 4. Tổ chức TVTS trực tuyến trên các nền tảng mạng xã hội. Hoạt động TVTS dưới hình thức livestream trực tuyến đem đến nhiều lợi ích cho các cơ sở GDĐH và cả những thí sinh. Cụ thể, thông qua một phiên tư vấn trực tuyến, các trường ĐH có thể chia sẻ được rất nhiều thông tin về hoạt động tuyển sinh cho người học ở khắp nơi, đặc biệt là những địa điểm mà trường ĐH chưa thể tiếp cận để TVTS trực tiếp, từ đó tiết kiệm được rất nhiều chi phí để phục vụ cho các chính sách ưu đãi nhằm thu hút SV. Để thực hiện được giải pháp này một cách hiệu quả Trường ĐHĐT cần thực hiện một số công việc sau. Một là, chuẩn bị đầy đủ các nội dung cần tư vấn và cử các bộ, giảng viên có chuyên môn tham gia các phiên làm việc trực tuyến. Hai là, truyền thông về chương trình TVTS trực tuyến như link truy cập, nội dung tư vấn, báo cáo viên tham dự, thời gian tổ chức buổi tư vấn thông qua đa dạng các kênh thông tin khác nhau các kênh truyền hình của các tỉnh, các nền tảng mạng xã hội, đặc biệt là kết nối với các trường THPT nhằm chia sẻ thông tin về các buổi tư vấn đến các thầy giáo, cô giáo, học sinh và các phụ huynh nhằm thu hút được nhiều người xem và tương tác trong quá trình tổ chức.

4. Kết luận

Nghiên cứu này đã phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tuyển sinh hệ chính quy của Trường ĐHĐT trong giai đoạn 2018 đến 2022. Kết quả nghiên cứu cho thấy một số ngành đào tạo của Trường đang thu hút được rất nhiều người học trong thời gian qua. Bên cạnh đó, một số ngành đào tạo của Trường chỉ thu hút được SV trong hai hoặc ba năm gần nhất và đang cho thấy dấu hiệu tích cực về kết quả tuyển sinh. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều ngành đào tạo của Trường liên tục chưa tuyển đủ chỉ tiêu qua các năm, đặc biệt có năm không có SV nhập học. Ngoài ra, có rất ít SV của Trường ĐHĐT đến từ các tỉnh khác trong khu vực ĐBSCL, ngoài tỉnh Đồng Tháp. Theo các tác giả, thực trạng trên có thể đến từ hai nguyên nhân chính. Một là, nhiều học sinh lo lắng về khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp. Hai là, việc triển khai hoạt động TVTS của Trường ĐHĐT chưa thật sự hiệu quả, nhiều người học có thể chưa tiếp cận được với các TTTS của Trường, đặc biệt là người học ở các tỉnh khác trong khu vực ĐBSCL, ngoài tỉnh Đồng Tháp. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đã đề xuất bốn giải pháp chính để truyền thông về công tác tuyển sinh nhằm thu hút được sự quan tâm của nhiều người trong xã hội, đặc biệt là các em học sinh trong quá trình lựa chọn trường ĐH cũng như ngành yêu thích để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp, mã số **SPD2022.01.38**

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. C. Johnston, "Who and what influences choice of university? Student and university perceptions," *American Journal of Business Education (AJBE)*, vol. 3, no. 10, pp. 15-24, 2010.
- [2] S. A. A. Mustafa, A. L. Sellami, E. A. A. Elmaghraby, and H. B. Al-Qassass, "Determinants of college and university choice for high-school students in Qatar," *International Journal of Higher Education*, vol. 7, no. 3, pp. 1-15, 2018.
- [3] J. S. K. Ming, "Institutional Factors Influencing Students' College Choice Decision in Malaysia: A Conceptual Framework," *International Journal of Business and Social Science*, vol. 1, no. 3, pp. 53-58, 2010.
- [4] N. Rika, J. Roze, and I. Sennikova, "Factors affecting the choice of higher education institutions by prospective students in Latvia," *CBU international Conference on Innovation in Science and Education*, vol. 4, pp. 422-430, 2016.
- [5] K. H. Hanson and L. H. Litten, "Mapping the Road to Academe: Women, Men, and the College Selection Process," in *The Undergraduate Woman: Issues in Educational Equity*, P. Perun, Ed. Lexington: Lexington Books, 1982.
- [6] D. Hossler and K. S. Gallagher, "Studying Student College Choice: A Three-Phase Model and the Implications for Policymakers," *College and University*, vol. 62, no. 3, pp. 207-221, 1987.
- [7] M. Joseph and B. Joseph, "Indonesian students' perceptions of choice criteria in the selection of a tertiary institution: Strategic implications," *International Journal of Educational Management*, vol. 14, no. 1, pp. 40-44, 2000.
- [8] C. Akar, "Factors Affecting University Choice: A Study on Students of Economics and Administrative Science," *Eskisehir Osmangazi University Journal of Economics and Administrative sciences*, vol. 7, no. 1, pp. 97-120, 2012.
- [9] A. Ilgan, O. Ataman, F. Ugurlu, and A. Yurdunkulu, "Factors affecting university choice: A study on university freshman students," *The Journal of Buca Faculty of Education*, no. 46, pp. 199-216, December 2018.
- [10] R. Hidayat and E. Sinuhaji, "Factors that affect students decision to choose private universities in Medan city, Indonesia," *Academy of Strategic Management Journal*, vol. 17, no. 6, pp. 1-8, 2018.